

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 27/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 27- 6- 2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bích Thủy.
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hằng -Thư ký Toà án nhân dân Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố H (60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX- ST ngày 30 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022; Giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị T, sinh năm 1995.

Trú tại: 252 A, thôn B, phường C, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Thanh D, sinh năm 1992.

Trú tại: 2/220 A, thôn B, phường C, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2021 của chị Hồ Thị T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Trần Thanh D tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (nay là Phường C), Thành phố H vào ngày 12/01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà bố mẹ của anh D tại số nhà 2/220 A, thôn B, phường C, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được

4 năm và đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, luôn xảy ra cãi vã nhau, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể khắc phục được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị Hồ Thị T công nhận vợ chồng chung sống sinh được 01 con chung tên là Trần Hồ Khánh L, sinh ngày 22/03/2015.

Nay ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Trần Hồ Khánh L đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị T công nhận vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Thanh D: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D nhưng anh D cố tình vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai cho anh D đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm xét xử, Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T; xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Trần Thanh D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử giao cháu Trần Hồ Khánh L, sinh ngày 22/03/2015 cho chị Hồ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh D không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Trần Thanh D lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Trần Thanh D kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (nay là Phường C), Thành phố H vào ngày 12/01/2015 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi người có một cách sống riêng, không ai quan tâm đến ai, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh D đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh không đến, chứng tỏ anh D không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Về phía gia đình của anh Trần Thanh D cũng cho rằng vợ chồng chị T và anh D chung sống hạnh phúc được 2 năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và có đánh đập nhau, từ năm 2019 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ của chị để ở, từ đó vợ chồng ít quan tâm chăm sóc nhau, nay chị T xin ly hôn anh D, gia đình không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phía chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị T và anh D chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sống khoảng 2 đến 3 năm nay. Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Hồ Thị T và anh Trần Thanh D đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị T tại phiên tòa là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị T có việc làm, thu nhập ổn định, phía gia đình chị T cũng tạo điều kiện giúp đỡ chị về kinh tế cũng như chỗ ở để chị T ổn định đảm bảo việc nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Trần Hồ Khánh L, sinh ngày 22/03/2015 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị T công nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144 ; Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình ; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử :**

**1.** Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T.

*Xử:* Chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Trần Thanh D.

**2.Về việc nuôi con:** Giao cháu Trần Hồ Khánh L, sinh ngày 22/03/2015 cho chị Hồ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Hồ Thị T công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4.Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Hồ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000971 ngày 25/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H.Nay không phải nộp nữa.

**5.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị đơn là anh Trần Thanh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- UBND phường Gia Hội, Huế;
- Đường sự ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Huê**